

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường hỗ trợ cho 13 hộ gia đình, cá nhân và 1 tổ chức khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện hiện dự án: Nhà máy cấp nước Lợi Hải (Đợt 1)

Địa điểm dự án: xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

(Kèm theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Họ và tên	Đất đai, tài sản trên đất	Đơn vị	Số lượng	Mức hỗ trợ, số lần, tháng (%), hệ số điều chỉnh giá đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng Cộng
1	Kator Bảo 1990							<u>1.028.064.810</u>
	CCCD số: 0580900011458 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 1/9/2022							
	Cư ngụ: Bà Râu 1, Lợi Hải, Thuận Bắc.							
	Đất có nguồn gốc do hộ ông Kator Cuộn khai hoang năm 1999, cho con là ông Kator Bảo. Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.							
	I. Đất			3.318,2			227.360.490	
	<u>I. Đất: Thửa 757, 759, 768, 770; tờ BĐ số 21: (cách kênh chính sông trâu 6m-42m)</u>			2.963,3			205.356.690	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	2.963,3	1,0	69.300	205.356.690	
	<u>I. Đất: Thửa 762 ; tờ BĐ số 21: (cách kênh chính sông trâu 6m)</u>			354,9			22.003.800	
		Bồi thường đất nuôi trồng thủy sản vị trí 1 (xã trung du)	m ²	354,9	1,0	62.000	22.003.800	
	<u>II. Nhà, Vật kiến trúc:</u>						37.087.050	
		– Đào ao, đào mương đất cấp 2 Bằng máy	m ³	887,3	1,0	41.800	37.087.050	Ao: (354,9*2,5)
	<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>						17.779.800	
		Lúa	m ²	2.963,3	1,0	6.000	17.779.800	
	<u>III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 70,6% diện tích đất nông nghiệp</u>						745.837.470	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	2.963,3	3,0	69.300	616.070.070	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất nuôi trồng thủy sản vị trí 1 (xã trung du)	m ²	354,9	3,0	62.000	66.011.400	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 12 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483000 đồng/tháng x 12 tháng = 5.796.000 đồng	khâu	11,0	1,0	5.796.000	63.756.000	
2	Taing Thị Xôm							<u>1.422.398.400</u>
	CCCD số: 058164003624 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/7/2021							

STT	Họ và tên	Đất đai, tài sản trên đất	Đơn vị	Số lượng	Mức hỗ trợ, số lần, tháng (%), hệ số điều chỉnh giá đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng Cộng
Cư ngụ: Bà Râu 2, Lợi Hải, Thuận Bắc.								
Đất được UBND huyện Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AN 743801, cấp ngày 21/10/2008 Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.								
		<u>I. Đất: Thửa 736; 741; 744; 747; tờ BĐ số 21 (cách kênh chính sông trầu 8m-59m)</u>		4.777,0			331.046.100	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	4.777,0	1,0	69.300	331.046.100	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					28.662.000	
		Lúa	m ²	4.777,0	1,0	6.000	28.662.000	
		<u>III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 96,4% diện tích đất nông nghiệp</u>					1.062.690.300	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	4.777,0	3,0	69.300	993.138.300	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 12 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483000 đồng/tháng x 12 tháng = 5.796.000 đồng	khâu	12,0	1,0	5.796.000	69.552.000	
3	Taing Thị Ngính							<u>681.312.000</u>
CCCD số: 058183000391 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/4/2021								
Cư ngụ: Bà Râu 2, Lợi Hải, Thuận Bắc.								
Đất được UBND huyện Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AN743800, cấp ngày 21/10/2008 Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.								
		<u>I. Đất: Thửa 725, 729; tờ BĐ số 21 (cách kênh chính sông trầu 88m-163)</u>		2.262,5			156.791.250	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	2.262,5	1,0	69.300	156.791.250	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					13.575.000	
		Lúa	m ²	2.262,5	1,0	6.000	13.575.000	
		<u>III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp</u>					510.945.750	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	2.262,5	3,0	69.300	470.373.750	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 12 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483000 đồng/tháng x 12 tháng = 5.796.000 đồng	khâu	7,0	1,0	5.796.000	40.572.000	
4	Charao Thị Lớn							<u>695.279.760</u>
CCCD số: 058173002692 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 8/7/2022								

STT	Họ và tên	Đất đai, tài sản trên đất	Đơn vị	Số lượng	Mức hỗ trợ, số lần, tháng (%), hệ số điều chỉnh giá đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng Cộng
Cư ngụ: Bà Râu 2, Lợi Hải, Thuận Bắc.								
Đất được sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CU 709539, cấp ngày 13/03/2020 Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.								
		I. Đất		2.748,3			162.929.190	
		<u>Đất: Thửa 727; tờ BĐ số 21 (cách đường liên xã 173m)</u>		888,3			61.559.190	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	888,3	1,0	69.300	61.559.190	
		<u>Đất: Thửa 712; tờ BĐ số 21 (cách đường liên xã 240m)</u>		1.860,0			101.370.000	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	1.860,0	1,0	54.500	101.370.000	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					20.379.000	
		Lúa	m ²	3.396,5	1,0	6.000	20.379.000	
		<u>III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp</u>					511.971.570	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	888,3	3,0	69.300	184.677.570	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	1.860,0	3,0	54.500	304.110.000	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 12 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483000 đồng/tháng x 12 tháng = 5.796.000 đồng	khâu	4,0	1,0	5.796.000	23.184.000	
5	Charao Thị Quyên							<u>287.394.000</u>
CCCD số: 058199003831 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 4/5/2022								
Cư ngụ: Bà Râu 2, Lợi Hải, Thuận Bắc.								
Đất được sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh cấp giấy chứng nhận QSDĐ số DH 126849, cấp ngày 16/03/2023 Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.								
		<u>I. Đất: Thửa 692; 694; tờ BĐ số 21 (cách đường liên xã 218m-246)</u>		1.170,0			63.765.000	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	1.170,0	1,0	54.500	63.765.000	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					20.742.000	
		Lúa	m ²	3.396,5	1,0	6.000	20.379.000	
		Ôi năm 1	cây	3,0	1,0	121.000	363.000	
		<u>III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 61,1% diện tích đất nông nghiệp</u>					202.887.000	

STT	Họ và tên	Đất đai, tài sản trên đất	Đơn vị	Số lượng	Mức hỗ trợ, số lần, tháng (%), hệ số điều chỉnh giá đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng Cộng
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	1.170,0	3,0	54.500	191.295.000	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 6 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483.000 đồng/tháng x 6 tháng = 2.898.000 đồng	khâu	4,0	1,0	2.898.000	11.592.000	
6	Charao Cú							403.053.600
CCCD số: 058074003148 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/01/2022								
Cư ngụ: Bà Râu 1, Lợi Hải, Thuận Bắc.								
Đất có nguồn gốc do hộ ông Taing Mơn (mất) tự khai năm 1998 và cho con là Charao Cú, Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.								
		<u>I. Đất: Thửa 734, 749, tờ BĐ số 21 (cách đường liên xã: 204m-253m)</u>		1.707,4			93.053.300	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	1.707,4	1,0	54.500	93.053.300	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					10.554.400	
		Bạch đàn năm thứ năm trở đi: công chăm sóc	cây	5,0	1,0	62.000	310.000	
		Lúa	m ²	1.707,4	1,0	6.000	10.244.400	
		<u>III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 33,6% diện tích đất nông nghiệp</u>					299.445.900	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	1.707,4	3,0	54.500	279.159.900	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 6 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483.000 đồng/tháng x 6 tháng = 2.898.000 đồng	khâu	7,0	1,0	2.898.000	20.286.000	
7	Tapur Ná							103.901.200
CCCD số: 058059002661 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày.....								
Cư ngụ: Bà Râu 1, Lợi Hải, Thuận Bắc.								
Đất có nguồn gốc do hộ ông Taing Mơn (mất) tự khai năm 1998 và cho con là Tapur Ná, Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.								
		<u>I. Đất: Thửa đất số 723; tờ BĐ số 21 (cách đường liên xã 247m)</u>		346,3			18.873.350	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	346,3	1,00	54.500	18.873.350	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					2.325.800	
		Bạch đàn năm thứ năm trở đi: công chăm sóc	cây	4,0	1,0	62.000	248.000	
		Lúa	m ²	346,3	1,0	6.000	2.077.800	

STT	Họ và tên	Đất đai, tài sản trên đất	Đơn vị	Số lượng	Mức hỗ trợ, số lần, tháng (%), hệ số điều chỉnh giá đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng Cộng
		III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 31,8% diện tích đất nông nghiệp					82.702.050	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	346,3	3,0	54.500	56.620.050	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 6 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483.000 đồng/tháng x 6 tháng = 2.898.000 đồng	khâu	9,0	1,0	2.898.000	26.082.000	
8	Jắc Dững							<u>49.260.400</u>
		CCCD số: 058067007098 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 28/6/2021						
		Cư ngụ: Bà Râu 2, Lợi Hải, Thuận Bắc.						
		Đất được UBND huyện Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BK646600, cấp ngày 09/11/2012 Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.						
		<u>I. Đất: Thửa 707; tờ BĐ số 21 (cách đường liên xã 249m)</u>		181,1			9.869.950	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	181,1	1,0	54.500	9.869.950	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					1.086.600	
		Lúa	m ²	181,1	1,0	6.000	1.086.600	
		III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 12,3% diện tích đất nông nghiệp					38.303.850	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	181,1	3,0	54.500	29.609.850	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 3 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483.000 đồng/tháng x 3 tháng = 1.449.000 đồng	khâu	6,0	1,0	1.449.000	8.694.000	
9	Kator Thị Óech							<u>1.451.612.720</u>
		CCCD số: 058160002947 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/6/2021						
		Cư ngụ: Bà Râu 2, Lợi Hải, Thuận Bắc.						
		Đất được UBND huyện Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AN743798, cấp ngày 31/10/2008 Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.						
		<u>I. Đất: Thửa 684, 687, 696, 701; tờ BĐ số 21 (cách kênh chính sông trâu 133m-175m)</u>		5.002,1			346.645.530	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	5.002,1	1,0	69.300	346.645.530	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					30.254.600	
		Ôi năm 1	cây	2,0	1,0	121.000	242.000	
		Lúa	m ²	5.002,1	1,0	6.000	30.012.600	

STT	Họ và tên	Đất đai, tài sản trên đất	Đơn vị	Số lượng	Mức hỗ trợ, số lần, tháng (%), hệ số điều chỉnh giá đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng Cộng
		III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp					1.074.712.590	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	5.002,1	3,0	69.300	1.039.936.590	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 12 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483000 đồng/tháng x 12 tháng = 5.796.000 đồng	khâu	6,0	1,0	5.796.000	34.776.000	
10	Chamaléa Thị Khanh							<u>1.652.490.240</u>
		CCCD số: 058183012142 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/1/2022						
		Cư ngụ: Bà Râu 2, Lợi Hải, Thuận Bắc.						
		Đất được sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận QSDĐ số DH 815979, cấp ngày 17/02/2023 Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.						
		<u>I. Đất: Thửa 691, 695, 706, 713; tờ BĐ số 21 (cách kênh chính sông trâu 75m-110m)</u>		5.753,2			398.696.760	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	5.753,2	1,0	69.300	398.696.760	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					34.519.200	
		Lúa	m ²	5.753,2	1,0	6.000	34.519.200	
		III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp					1.219.274.280	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	5.753,2	3,0	69.300	1.196.090.280	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 12 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483000 đồng/tháng x 12 tháng = 5.796.000 đồng	khâu	4,0	1,0	5.796.000	23.184.000	
11	Chamaléa Thị Tiếng							<u>1.134.989.280</u>
		CCCD số: 058154000702 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 09/05/2021						
		Cư ngụ: Bà Râu 1, Lợi Hải, Thuận Bắc.						
		Đất có nguồn gốc do hộ bà Chamaléa Thị Tiếng tự khai hoang năm 1990, Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.						
		<u>I. Đất: Thửa 698, 708, 710, 722 ; tờ BĐ số 21 (cách kênh chính sông trâu 9m-42m)</u>		3.905,4			270.644.220	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	3.905,4	1,0	69.300	270.644.220	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					23.432.400	

STT	Họ và tên	Đất đai, tài sản trên đất	Đơn vị	Số lượng	Mức hỗ trợ, số lần, tháng (%), hệ số điều chỉnh giá đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng Cộng
		Lúa	m ²	3.905,4	1,0	6.000	23.432.400	
		III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 96,8% diện tích đất nông nghiệp					840.912.660	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	3.905,4	3,0	69.300	811.932.660	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 12 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483000 đồng/tháng x 12 tháng = 5.796.000 đồng	khâu	5,0	1,0	5.796.000	28.980.000	
12	Eamaxít Phương							<u>333.607.200</u>
	CCCD số: 058069005667, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 09/5/2021							
	Cư ngụ: Bà Râu 1, Lợi Hải, Thuận Bắc.							
	Đất được UBND huyện Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CC729874, cấp ngày 08/11/2017 Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.							
		<u>I. Đất: Thửa 152; 153; 671; tờ BĐ số 21 (cách đường liên xã 226m-251.)</u>		1.407,3			76.697.850	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	1.407,3	1,0	54.500	76.697.850	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					9.427.800	
		Lúa	m ²	1.180,9	1,0	6.000	7.085.400	
		Keo lai năm thứ năm trở đi: công chăm sóc	cây	4,0	1,0	63.000	252.000	
		Keo lai năm thứ tư: công chăm sóc	cây	12,0	1,0	61.000	732.000	
		Cỏ voi	m ²	226,4	1,0	6.000	1.358.400	
		III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 34,5% diện tích đất nông nghiệp					247.481.550	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	1.407,3	3,0	54.500	230.093.550	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 6 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483.000 đồng/tháng x 6 tháng = 2.898.000 đồng	khâu	6,0	1,0	2.898.000	17.388.000	
13	Eamaxít Nghiêm							<u>73.667.240</u>
	CCCD số: 058070004833, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/11/2021							
	Cư ngụ: Bà Râu 1, Lợi Hải, Thuận Bắc.							
	Đất được UBND huyện Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BR 957204, cấp ngày 13/12/2013 Hiện nay gia đình đang sử dụng ổn định, không lấn chiếm, không tranh chấp, sử dụng liên tục cho đến nay.							
		I. Đất		250,1			14.891.410	

STT	Họ và tên	Đất đai, tài sản trên đất	Đơn vị	Số lượng	Mức hỗ trợ, số lần, tháng (%), hệ số điều chỉnh giá đất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Tổng Cộng
		<u>I. Đất: Thửa 154; tờ BĐ số 21 (cách đường liên xã 194m)</u>		85,2			5.904.360	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	85,2	1,0	69.300	5.904.360	
		<u>I. Đất: Thửa 203; tờ BĐ số 21 (cách đường liên xã 215m)</u>		164,9			8.987.050	
		Bồi thường đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	164,9	1,0	54.500	8.987.050	
		<u>II. Hoa màu, cây trồng:</u>					6.856.600	
		Dừa năm 3	cây	3,0	1,0	732.000	2.196.000	
		Chuối năm 2	cây	15,0	1,0	191.000	2.865.000	
		Keo lai năm thứ ba: công chăm sóc	cây	5,0	1,0	59.000	295.000	
		Lúa	m ²	250,1	1,0	6.000	1.500.600	
		<u>III. Các khoản hỗ trợ: Thu hồi 9,5% diện tích đất nông nghiệp</u>					51.919.230	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 1 (xã trung du)	m ²	85,2	3,0	69.300	17.713.080	
		Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 2 (xã trung du)	m ²	164,9	3,0	54.500	26.961.150	
		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian 3 tháng (không di chuyển chỗ ở): 483.000 đồng/tháng x 3 tháng = 1.449.000 đồng	khâu	5,0	1,0	1.449.000	7.245.000	
14	UBND xã Lợi Hải							0
	Cư ngụ: Bà Râu 2 Lợi Hải, Thuận Bắc							
		<u>I. Đất: Thửa 674, 693, 703, 711, 735; tờ BĐ số 21</u>		2.252,4			0	
		Đất do UBND xã quản lý. Không được bồi thường về đất theo quy định tại điều 101 Luật đất đai năm 2024		2.252,4	0	0	0	
		<u>Tổng cộng</u>						<u>9.317.030.850</u>